

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/DS- ST
Ngày 19-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thế Phụng và bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 814/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần G có trụ sở tại: Lô C, Cụm C, xã T, huyện P, tỉnh An Giang,

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Nguyễn Mạnh H, chức vụ: Giám đốc là đại diện theo pháp luật của công ty. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2024 và lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Công ty cổ phần G có ký kết với ông hợp đồng giao khoán công việc số 01-2024/HĐGK-GV ngày 01/01/2024 với nội dung công ty giao khoán cho ông làm công việc bốc xếp lúa, gạo, nếp, tấm và các công việc khác cho nhà máy của công ty, với đơn giá của từng loại theo công việc, khối lượng thực tế, thời gian 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, ông đã thuê mướn rất nhiều lao động để làm công việc bốc xếp cho công ty, đến ngày 26/10/2024, hai bên thống nhất ký biên bản xác nhận công nợ lần hai, theo đó công ty cổ phần G xác nhận còn nợ ông số tiền tổng cộng 491.609.511 đồng. Tuy nhiên, từ sau khi ký biên bản xác nhận nợ, ông nhiều lần yêu cầu công ty thanh toán nhưng công ty không thực hiện. Nay ông yêu cầu Công ty cổ phần G trả cho ông tiền bốc xếp còn nợ 491.609.511 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty cổ phần G do ông Nguyễn Mạnh H đại diện theo pháp luật vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền bốc xếp còn nợ 491.609.511 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có trụ sở tại xã T, huyện P, tỉnh An Giang trả tiền giao khoán việc bốc xếp nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dịch vụ và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Công ty cổ phần G do ông Nguyễn Mạnh H đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2 Công ty cổ phần G có ký kết với ông Nguyễn Văn T hợp đồng giao khoán công việc số 01-2024/HĐGK-GV ngày 01/01/2024 với nội dung công ty giao khoán cho ông T thực hiện công việc công đoàn bốc xếp lúa, gạo, nếp, tấm, cấp liệu cho lò sấy, vệ sinh ...cho nhà máy của công ty, đơn giá theo từng công việc và theo khối lượng thực tế, thời gian hợp đồng là 01 năm. Sau khi ký hợp đồng, ông T

thuê mướn rất nhiều lao động để thực hiện bốc xếp cho công ty, đến ngày 14/9/2024 thì công ty xác nhận công nợ nợ ông Tới tiền công đoàn bốc xếp 03 giai đoạn tổng cộng 538.721.098 đồng. Ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng đến ngày 26/10/2024 thì Công ty cổ phần G xác nhận nợ lần 2 với ông T trong đó thể hiện thanh toán được nợ cũ 220.000.000 đồng, cộng thêm tiền phát sinh, còn nợ ông T tổng cộng 491.609.511 đồng. Ngoài nợ ông T, công ty cổ phần G còn nợ tiền lương của rất nhiều công nhân nên Ủy ban nhân dân huyện P cùng các cơ quan ban ngành tiến hành gặp gỡ, đối thoại giữa công ty và người lao động nhưng công ty không có khả năng thanh toán tiền lương người lao động cũng như tiền nợ của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần G trả cho ông tiền còn nợ 491.609.551 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[3] Hợp đồng giao khoán công việc ngày 01/01/2024 giữa công ty cổ phần G và ông Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, có mục đích và nội dung phù hợp với quy định của Điều 117 Bộ luật Dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Theo Điều 2 của hợp đồng giao khoán công việc, công ty có trách nhiệm thanh toán đúng hạn theo Bảng kê chi phí của hợp đồng. Công ty đã có biên bản xác nhận công nợ với ông T nhưng đến nay đã hết hạn của hợp đồng (ngày 31/12/2024) nhưng vẫn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng. Bị đơn Công ty cổ phần G đã được Tòa án tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng từ chối nhận văn bản và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, xem như thừa nhận còn nợ ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần G trả tiền 491.609.551 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 271 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 513, Điều 514, Điều 519 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và Công ty cổ phần G về hợp đồng dịch vụ.

Buộc Công ty cổ phần G có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 491.609.551đ (bốn trăm chín mươi một triệu sáu lẽ chín nghìn năm trăm năm mươi một đồng)

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

Công ty cổ phần G phải chịu 23.664.000 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông T 11.832.000đ (mười một triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu 0011681 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thế Văn